

Bản án số: 07/2017/KDTM-PT

Ngày: 12 - 12 - 2017

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Ông Huỳnh Văn Yên

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau: Ông Bùi Trung Biển – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 06/2017/TLPT-KDTM ngày 04/10/2017 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2017/KDTM-ST ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2017/QĐ-PT ngày 30 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kiều O – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Anh T – Chức vụ Quản lý doanh nghiệp (Theo Giấy ủy quyền số 01/2017- GYQ- TQM ngày 02 tháng 01 năm 2017). (có mặt). Địa chỉ: Số 20, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Đại lý H

Địa chỉ: Ấp T, xã H1, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện: Ông Phạm Hoàng O – sinh năm 1962

Địa chỉ: Ấp L, xã H2, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh S – sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Số 344/2A N, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 27 tháng 7 năm 2017)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Hoàng T – sinh năm 1988

2. Chị Huỳnh Ngọc L – sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của anh T và chị L là ông Nguyễn Thanh S – sinh năm 1965. Địa chỉ: Số 344/2A N, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 27 tháng 7 năm 2017) (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh T và chị L là Luật sư Lê Minh Châu - Văn phòng luật sư Lê Minh Châu thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị R (G) – sinh năm 1961

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã H2, huyện C, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo ủy quyền của bà R là Ông Nguyễn Thanh S – sinh năm 1965. Địa chỉ: Số 344/2A N, Phường 15, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 27 tháng 7 năm 2017) (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Hoàng O – bị đơn; anh Phạm Hoàng T, chị Huỳnh Ngọc L – Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện nguyên đơn là ông Lê Anh T trình bày: Từ năm 2013 đến năm 2014, Công ty liên doanh hữu hạn thức ăn thủy sản Việt Hoa (gọi tắt là Công ty Việt Hoa) có giao dịch mua bán thức ăn thủy sản với Đại lý H theo hình thức mua hàng trước trả tiền sau. Hai bên thỏa thuận mua bán không có làm hợp đồng.

Khi đó, Doanh nghiệp tư nhân T (gọi tắt là Doanh nghiệp T) là trung gian vận chuyển thức ăn từ Công ty Việt Hoa về kho hàng tại thành phố C, sau đó Đại lý H đến kho hàng nhận thức ăn rồi thanh toán tiền trực tiếp với Doanh nghiệp T. Trong khoảng thời gian nêu trên thì phía Đại lý H đã thanh toán xong nợ cho phía Công ty Việt Hoa. Đến năm 2015 phía Doanh nghiệp T trở thành Doanh nghiệp phân phối độc quyền tại Cà Mau và có các chi nhánh nhỏ lẻ. Thời điểm này, phía Đại lý H vẫn mua hàng và trực tiếp giao nhận hàng từ Doanh nghiệp T. Hình thức mua bán vẫn như trước đây giao dịch với Công ty Việt Hoa là mua hàng trước trả tiền sau. Khi đó, hai bên thỏa thuận Doanh nghiệp T chiết khấu cho Đại lý H hóa đơn là 4.000 đồng/kg, ngoài ra chiết khấu cuối năm là 500 đồng/kg, chiết khấu vận chuyển 300 đồng và chiết khấu sản lượng cuối năm 700 đồng/kg. Đối với chiết khấu hóa đơn thì phía Đại lý H đã được nhận đầy đủ mỗi khi giao nhận hàng, còn các loại chiết khấu khác Đại lý H được hưởng với điều kiện cuối năm phải thanh toán hết nợ. Đối với thỏa thuận này các bên cũng không lập thành văn bản. Người trực tiếp đứng ra mua bán, nhận hàng, đối chiếu và ký công nợ với Doanh nghiệp T là anh Phạm Hoàng T là con ruột của ông Phạm Hoàng O. Trong năm 2015, phía Đại lý H do anh T trực tiếp đứng ra giao dịch thiếu nợ Doanh nghiệp T với tổng số tiền là 4.796.257.000 đồng đến nay chưa trả. Do đó, đến ngày 01 tháng 3 năm 2016 thì phía Doanh nghiệp đã đối chiếu công nợ với anh Phạm Hoàng T xác định phía Đại lý H còn nợ Doanh nghiệp T tổng số tiền là 4.796.257.000 đồng.

Nay ông Lê Anh T yêu cầu phía Đại lý H bao gồm ông Phạm Hoàng O, anh Phạm Hoàng T và chị Huỳnh Ngọc L cùng liên đới trả số nợ trên cho phía Doanh nghiệp T. Ngoài ra, còn yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên theo mức lãi suất 9%/năm từ thời điểm ngày 01 tháng 3 năm 2016 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với các khoản chiết khấu còn lại phía Đại lý H chưa nhận thì phía Doanh nghiệp T không phải thanh toán với lý do đến cuối năm 2015 phía Đại lý H không thanh toán hết nợ là không đúng với thỏa thuận.

Anh Phạm Hoàng T trình bày: Anh T không thống nhất lời trình bày của phía Doanh nghiệp T, bởi lẽ Đại lý H do cha ruột của anh là ông Phạm Hoàng O làm chủ, anh chỉ là người quản lý đại lý, phụ trách mua bán, trực tiếp nhận hàng từ Doanh nghiệp T, còn vợ của anh là chị L chỉ theo dõi sổ sách, đối chiếu nợ và ghi sổ theo dõi hàng ngày. Anh T thừa nhận là vào ngày 01 tháng 3 năm 2016 anh có ký công nợ với Doanh nghiệp T với số tiền 4.796.257.000 đồng nhưng anh không biết là số tiền trên có đúng hay không. Chị L là người biết rõ số nợ là bao nhiêu vì chị trực tiếp theo dõi sổ sách. Lý do anh ký công nợ là do anh quản lý đại lý và trực tiếp mua bán. Năm 2013 và 2014 Đại lý H đã thanh toán hết nợ, còn nợ năm 2015 thì chưa thanh toán. Trong quá trình kinh doanh mua bán thì đại lý chỉ có 03 người trực tiếp kinh doanh bao gồm anh, ông Phạm Hoàng O và chị Huỳnh Ngọc L, còn mẹ của anh là bà Nguyễn Thị G không có tham gia vào kinh doanh của đại lý. Đối với số tiền phía Doanh nghiệp T yêu cầu, anh T không có nghĩa vụ thanh toán vì ông Phạm Hoàng O là chủ đại lý thì có nghĩa vụ thanh toán.

Ông Phạm Hoàng O trình bày: Từ năm 2013 đến năm 2015 ông O là chủ Đại lý H chỉ giao dịch làm ăn với Công ty Việt Hoa chứ không có mua bán với Doanh nghiệp T. Tuy nhiên, Đại lý H nhận thức ăn tôm trực tiếp từ Doanh nghiệp T vì Công ty Việt Hoa không giao hàng trực tiếp mà thông qua Doanh nghiệp T. Anh T là con của ông chịu mọi trách nhiệm giấy tờ nhận hàng và thanh toán nợ. Ông O thừa nhận còn thiếu công ty Việt Hoa số tiền như phía Doanh nghiệp T trình bày. Tuy nhiên, Đại lý H và Công ty Việt Hoa có thỏa thuận không lập thành văn bản là phía Công ty Việt Hoa chiết khấu cho ông 7000 đồng/kg thức ăn, trong đó có 4000 đồng chiết khấu hóa đơn, còn 3000 đồng lưu lại đến khi nào không còn giao dịch thì thanh toán một lần. Ông O yêu cầu phải Công ty Việt Hoa thanh toán tiền chiết khấu từ năm 2013 đến năm 2015 với tổng số tiền là 5.463.450.000 đồng. Sau khi đối trừ thì phía Công ty Việt Hoa phải trả cho ông số tiền là 663.450.000 đồng. Ông O cũng cho rằng trước đây ông có trực tiếp giao dịch mua bán với Công ty Việt Hoa nhưng vài năm trở lại đây ông giao việc mua bán lại cho anh Phạm Hoàng T đại diện.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Thanh S là đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Hoàng O trình bày: Anh T và chị L là người làm công lãnh lương của Đại lý H và có hợp đồng lao động. Đại lý H do ông Phạm Hoàng O làm chủ. Ông Hoàng O yêu cầu cho ông và Doanh nghiệp T đối chiếu các khoản nợ để xác định chính xác số nợ mà Đại lý H còn nợ Doanh nghiệp T. Đối với số tiền chiết khấu còn lại là 2.000 đồng/kg thức ăn chứ không phải là 1.500 đồng/kg thức ăn như phía Doanh nghiệp T trình bày. Ông S yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét đơn yêu cầu phản tố và đơn yêu cầu độc lập của ông Phạm Hoàng O để giải quyết số tiền chiết khấu mà Doanh nghiệp T còn nợ ông O từ năm 2013 đến năm 2015. Đồng thời, yêu cầu xác minh việc ông Hoàng O có thuê đất để làm đại lý kinh doanh để chứng minh ông Hoàng O là chủ đại lý. Từ những cơ sở trên, ông S yêu cầu Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để làm rõ những vấn đề nêu trên.

Từ nội dung trên, tại bản án sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước quyết định:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, 227, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 50, Điều 306, Điều 317, Điều 319 Luật Thương mại 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trần Thị Kiều O – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T đối với ông Phạm Hoàng O, anh Phạm Hoàng T và chị Huỳnh Ngọc L.

Buộc ông O, anh T và chị L trả cho bà Trần Thị Kiều O – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T số tiền 5.443.752.000 đồng (Năm tỷ bốn trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Trần Thị Kiều O – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T được nhận lại số tiền bảo đảm 800.000.000 đồng theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2017/QĐ-BPBĐ ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện C tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện C khi án có hiệu lực pháp luật.

Duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2017/QĐ-BPKCTT ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước có nội dung phong tỏa tài sản là xe ô tô tải nhãn hiệu HINO, màu sơn trắng, biển số kiểm soát 69C -022.23, số máy J05ETE14818, số khung RNJFC9JLSFXX14271 do anh Phạm Hoàng T là chủ xe để bảo đảm việc thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lệ phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07/9/2017 ông Phạm Hoàng O, Phạm Hoàng T và Huỳnh Ngọc L kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Việc mua bán với T chưa quyết toán, chưa thanh lý hợp đồng, chưa đối trừ chiết khấu nên Doanh nghiệp T chưa đủ điều kiện khởi kiện. Buộc Phạm Hoàng T và Huỳnh Ngọc L chịu trách nhiệm thanh toán các khoản nợ của Đại lý H là không đúng đối tượng, Việc phong tỏa tài sản chiếc xe ô tô biển kiểm soát 69C-022.23 của Phạm Hoàng T và Huỳnh Ngọc L là trái pháp luật, yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Thanh S tranh luận: Đại lý H, do ông O đăng ký hộ kinh doanh do cá nhân ông O đăng ký, tại thời điểm ông O lập thủ tục đăng ký kinh doanh thì lúc này ông T chưa đủ 18 tuổi, cấp sơ thẩm không có cơ sở nào để xác định được anh T và chị L hưởng lợi từ việc kinh doanh này. Anh T và chị L làm công hưởng lương, không được hưởng lợi nên anh T và chị L không có nghĩa vụ phải thanh toán cho Doanh nghiệp T, nếu buộc trả thì phải buộc bà R, do bà R có tên trong hộ gia đình.

Đối với anh T, chị L: Ngoài giấy phép kinh doanh, không còn tài liệu nào thể hiện anh T và chị L tham gia, Doanh nghiệp T xác định khởi kiện anh T và chị L trong suốt quá trình tranh chấp. Yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để hai bên đối chiếu lại công nợ và đối trừ, nếu không hủy án thì bác yêu cầu khởi kiện của Công ty.

Ông Lê Anh T tranh luận: Do quá trình hòa giải ông O trình bày vào năm 2015 ông đã giao việc kinh doanh cho anh T. Anh T là người trực tiếp kinh doanh

và ký các công nợ. Hai bên đã đối chiếu công nợ xong kể từ khi anh T xác nhận công nợ, quá trình giải quyết tranh chấp phía anh T cũng không đặt ra vấn đề đối chiếu công nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm lý do ông O là người đại diện hợp pháp của hộ kinh doanh cá thể, anh T và chị L là người trực tiếp được ông O giao kinh doanh là con của ông O, có cùng hộ khẩu với ông O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của ông O, anh T và chị L đều khẳng định anh T và chị L là người làm công cho ông O, không liên quan gì đến việc kinh doanh của ông O.

Xét lời trình bày của người đại diện hợp pháp của ông O, anh T, chị L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Số 61E8 002537 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 15 tháng 8 năm 2013 cấp cho Hộ kinh doanh mà người đứng tên đại diện hộ kinh doanh là ông Phạm Hoàng O, ông Phạm Hoàng O, anh Phạm Hoàng T và chị Huỳnh Thị L là những người trực tiếp tham gia vào hoạt động kinh doanh (BL số 37, 42), trong khi anh T trực tiếp giao dịch mua bán và ký tên vào bảng đối chiếu công nợ, chị L thì ghi sổ theo dõi và đối chiếu công nợ của Đại lý. Điều này cũng phù hợp với lời trình bày của phía nguyên đơn là thực hiện giao dịch mua bán và ký đối chiếu công nợ đều do anh T thực hiện. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S cho rằng ông O và anh T có nơi ở khác nhau, hộ khẩu của gia đình ông sơ xuất không giao nộp cho Tòa án. Theo biên bản xác minh của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau thể hiện năm 2013 đến năm 2015 hộ Ông Phạm Hoàng O gồm có ông O, bà G (R), anh Quốc, anh T, chị L, Đệ, Ly, Tỷ, Thiện. Tuy nhiên căn cứ vào lời trình bày của ông O nên cấp sơ thẩm buộc ông O, anh T và chị L có nghĩa vụ liên đới trả số nợ 5.443.752.000 đồng cho Doanh nghiệp T là có căn cứ theo quy định Điều 107 và Điều 110 Bộ luật dân sự năm 2005 thời điểm thực hiện hợp đồng mua bán và đối chiếu công nợ.

[2] Do liên quan đến trách nhiệm của anh T và chị L nên quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của phía nguyên đơn và ban hành quyết định số 01/2017/QĐ- BPKCTT ngày 10/8/2017 là có căn cứ, đúng quy định theo Điều 126 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó không chấp nhận kháng cáo của ông O, anh T, chị L về yêu cầu hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại do Cơ quan thi hành án ra quyết định không đúng gây thiệt hại cho bị đơn xuất phát từ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án. Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm phía anh T cũng không có yêu cầu khiếu nại việc Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp

tạm thời. Cấp sơ thẩm không giải quyết vấn đề này nên không thuộc thẩm quyền giải quyết của phiên tòa phúc thẩm, đương sự có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác nếu có căn cứ bị thiệt hại.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn tranh luận do cấp sơ thẩm xác định tư cách tố tụng của ông O là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nên ông O không làm đơn phản tố, khi mở phiên tòa Tòa án xác định tư cách của ông O là bị đơn, do ông O trở thành bị đơn nên ông O có quyền yêu cầu phản tố. Xét việc ông O thừa nhận không giao dịch với Doanh nghiệp T (BL số 40, 42), sau đó ông O thừa nhận có ký hợp đồng mua bán với Doanh nghiệp T và cung cấp hợp đồng, ông O cũng thừa nhận nợ đối với Doanh nghiệp T. Nếu quá trình hòa giải và cung cấp chứng cứ ông O thừa nhận và yêu cầu được đối chiếu công nợ thì để giải quyết vụ án một cách triệt để cấp sơ thẩm sẽ chấp nhận yêu cầu của ông O, nhưng đến khi mở phiên tòa thì ông O viết đơn với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu được phản tố, tại phiên tòa ông S thừa nhận do ông O chưa hiểu rõ quy định nên chậm làm đơn yêu cầu phản tố. Vấn đề này do từ phía ông O, ông O phải chịu trách nhiệm với việc làm của mình, nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông O là có căn cứ.

[4] Đối với vấn đề phía bị đơn cho rằng phía nguyên đơn chưa quyết toán, chưa thanh lý hợp đồng, chưa đối trừ chiết khấu nên Doanh nghiệp T chưa đủ điều kiện khởi kiện. Suốt quá trình thụ lý và hòa giải trước khi mở phiên tòa sơ thẩm thời gian dài, phía bị đơn cũng như người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đặt ra vấn đề đối chiếu để được đối trừ phần chiết khấu. Cấp sơ thẩm đã nhận định *“Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã mời ông Phạm Hoàng O đến Tòa án để làm việc để xác định xem ông O có phản tố hay yêu cầu độc lập hay không nhưng ông Hoàng O có ý kiến là không yêu cầu, sau này ông Hoàng O sẽ khởi kiện thành vụ kiện khác đối với Công ty Việt Hoa. Sau khi Thẩm phán giải quyết vụ án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập xét xử vụ án đến lần thứ hai thì đến ngày 18 tháng 8 năm 2017 ông Hoàng O mới gửi đơn yêu cầu phản tố. Đến ngày 21 tháng 8 năm 2017 ông Hoàng O tiếp tục gửi đơn yêu cầu độc lập và yêu cầu Tòa án xem xét. Xét thấy nội dung yêu cầu xem xét để chấp nhận đơn yêu cầu phản tố và đơn yêu cầu độc lập của ông Hoàng O đã được giải thích nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ông S yêu cầu hoãn phiên tòa để xem xét và chấp nhận đơn yêu cầu phản tố, đơn yêu cầu độc lập của ông Hoàng O. Đối chiếu với quy định tại khoản 3 Điều 200 và khoản 2 Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì đương sự có quyền yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Như vậy, yêu cầu về vấn đề này không có cơ sở chấp nhận”*. Nhận định của cấp sơ thẩm là có căn cứ. Do đó, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông O, anh T và chị L. Nếu ông O, anh T, chị L có chứng cứ chứng minh Doanh nghiệp T chưa thanh toán tiền chiết khấu thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định chung.

Ngoài ra, tại quyết định của bản án sơ thẩm có quyết định *“Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trần Thị Kiều O – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T đối với ông Phạm Hoàng O, anh Phạm Hoàng T và chị Huỳnh Ngọc Liễu”* quyết định này chưa đầy đủ, do đó cấp phúc thẩm tuyên án lại cho cụ thể, rõ ràng.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông O phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng, anh T, chị L phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm do đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, đã phát sinh hiệu lực từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Hoàng O, anh Phạm Hoàng T và chị Huỳnh Ngọc L Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2017/KDTM-ST ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trần Thị Kiều O – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T đối với Đại lý H, người đại diện hợp pháp là ông Phạm Hoàng O và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Hoàng T và chị Huỳnh Ngọc L.

Buộc ông O, anh T và chị L trả cho bà Trần Thị Kiều O – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T số tiền 5.443.752.000 đồng (Năm tỷ bốn trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi hai ngàn đồng).

Bà Trần Thị Kiều O – Chủ Doanh nghiệp tư nhân T được nhận lại số tiền bảo đảm 800.000.000 đồng theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 01/2017/QĐ-BPBD ngày 09 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện C khi án có hiệu lực pháp luật.

Duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2017/QĐ-BPKCTT ngày 10 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước có nội dung phong tỏa tài sản là xe ô tô tải nhãn hiệu HINO, màu sơn trắng, biển số kiểm soát 69C – 022.23, số máy J05ETE14818, số khung RNJFC9JLSFXX14271 do anh Phạm Hoàng T là chủ xe để bảo đảm việc thi hành án.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ông Phạm Hoàng O phải chịu 2.000.000 đồng, anh Phạm Hoàng T và chị Huỳnh Ngọc L phải chịu 2.000.000 đồng. Cùng ngày 07/9/2017 ông Phạm Hoàng O đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003768; Anh Phạm Hoàng T và chị Huỳnh Ngọc L đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003769 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được chuyển thu đối trừ. Ông Phạm Hoàng O phải nộp tiếp 1.700.000 đồng, anh Phạm Hoàng T và chị Huỳnh Ngọc L còn phải nộp tiếp 1.700.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Cái Nước;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Thị Hải Hà